

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT
TRÙNG VIỆT NAM

VIETNAM PESTICIDE JOINT
STOCK COMPANY

Số/No.: 79CV-TST

V/v: Giải trình biến động lợi nhuận quý
04 năm 2025 so với cùng kỳ năm
trước./Explanation of profit fluctuations in
the fourth quarter of 2025 compared to the
same period last year.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

TP HCM, ngày 27 tháng 01 năm 2026

Ho Chi Minh City, January 27, 2026

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ The State Securities Commission
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ Hochiminh Stock Exchange

Tên tổ chức / Organization name: CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG
VIỆT NAM/ VIETNAM PESTICIDE JOINT STOCK COMPANY.

Mã chứng khoán/ Securities Symbol: VPS

Địa chỉ trụ sở chính: 102 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Tân Định, Thành phố Hồ
Chí Minh.

Address: 102 Nguyen Dinh Chieu, Ward: Tan Dinh, Ho Chi Minh City.

Thực hiện theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính
hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán./Follow Circular No.
96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 of the Ministry of Finance guiding
information disclosure on the stock market.

Căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất quý 4 năm 2025 của Công ty cổ
phần Thuốc sát trùng Việt Nam./Based on the separate and consolidated financial
statements for the fourth quarter of 2025 of Vietnam Pesticide Joint Stock Company.

Chúng tôi xin giải trình về trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp
chênh lệch hơn 10% so với cùng kỳ năm trước, như sau:/We would like to explain the
case where the profit after tax differs by more than 10% compared to the same period last
year, as follows:

SỐ LIỆU BÁO CÁO RIÊNG/SEPARATELY REPORT DATA

Stt/No	Chỉ tiêu/Items	Kỳ này năm nay /This period this year	Kỳ này năm trước/This period last year	Chênh lệch/discrepancy	
				Giá trị/Value	% +/-
1	D.thu BH & cung cấp DV/Revenue from sales of goods and rendering of services	298.339.040.273	206.628.415.312	91.710.624.961	44,4%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu/Revenue deductions	8.773.491.391	12.951.210.296	(4.177.718.905)	-32,3%

Stt/No	Chỉ tiêu/Items	Kỳ này năm nay /This period this year	Kỳ này năm trước/This period last year	Chênh lệch/discrepancy	
				Giá trị/Value	% +/-
3	Doanh thu thuần/Net revenue	289.565.548.882	193.677.205.016	95.888.343.866	49,5%
4	Giá vốn hàng bán/Cost of goods sold	227.804.081.195	128.977.338.996	98.826.742.199	76,6%
5	Lợi nhuận gộp/Gross profit	61.761.467.687	64.699.866.020	(2.938.398.333)	-4,5%
6	Doanh thu hoạt động tài chính/Financial income	416.681.768	601.933.205	(185.251.437)	-30,8%
7	Chi phí tài chính/Financial expense	2.330.699.966	7.858.007.061	(5.527.307.095)	-70,3%
8	Chi phí bán hàng/Selling expense	25.465.097.936	26.687.986.615	(1.222.888.679)	-4,6%
9	Chi phí quản lý/Administrative expenses	21.492.882.244	17.039.383.092	4.453.499.152	26,1%
10	LN thuần từ HĐKD/Net profit from operating activities	12.889.469.309	13.716.422.457	(826.953.148)	-6,0%
11	Lợi nhuận khác/Other income	5.513.348.656	(59.648.170)	5.572.996.826	
12	Tổng LN trước thuế/Total net profit before tax	18.402.817.965	13.656.774.287	4.746.043.678	34,8%
13	Tổng LN sau thuế/Profit after corporate income tax	14.609.776.943	9.938.813.763	4.670.963.180	47,0%

SỐ LIỆU BÁO CÁO HỢP NHẤT/CONSOLIDATED REPORT DATA

Stt/No	Chỉ tiêu/Items	Kỳ này năm nay /This period this year	Kỳ này năm trước/This period last year	Chênh lệch/discrepancy	
				Giá trị/Value	% +/-
1	D.thu BH & cung cấp DV/Revenue from sales of goods and rendering of services	316.610.571.663	216.925.660.762	99.684.910.901	46,0%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu/Revenue deductions	8.817.838.591	13.657.329.976	(4.839.491.385)	-35,4%
3	Doanh thu thuần/Net revenue	307.792.733.072	203.268.330.786	104.524.402.286	51,4%
4	Giá vốn hàng bán/Cost of goods sold	242.154.108.885	135.614.572.332	106.539.536.553	78,6%
5	Lợi nhuận gộp/Gross profit	65.638.624.187	67.653.758.454	(2.015.134.267)	-3,0%
6	Doanh thu hoạt động tài chính/Financial income	605.386.511	831.397.715	(226.011.204)	-27,2%
7	Chi phí tài chính/Financial expense	2.331.342.466	3.226.929.764	(895.587.298)	-27,8%
8	Lãi hoặc lỗ trong công ty L.doanh, L.kết/Share of joint ventures and associates' profit or loss	846.700	(142.782.786)	143.629.486	
9	Chi phí bán hàng/Selling expense	25.807.067.238	27.314.044.421	(1.506.977.183)	-5,5%
10	Chi phí quản lý/Administrative expenses	22.530.327.366	18.422.063.161	4.108.264.205	22,3%
11	LN thuần từ HĐKD/Net profit from operating activities	15.576.120.328	19.379.336.037	(3.803.215.709)	-19,6%
12	Lợi nhuận khác/Other income	5.513.348.656	(59.648.170)	5.572.996.826	
13	Tổng LN trước thuế/Total net profit before tax	21.089.468.984	19.319.687.867	1.769.781.117	9,2%
14	Tổng LN sau thuế/Profit after corporate income tax	16.749.667.098	14.430.988.070	2.318.679.028	16,1%

34089
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐỐC SÁT T
VIỆT NAM
7-TP HỒ

So với cùng kỳ năm trước, doanh thu kỳ này ghi nhận mức tăng trưởng cao.

Year-on-year, revenue recorded strong growth during the period.

Theo Báo cáo tài chính riêng, doanh thu tăng 49,5%, tương ứng 95,8 tỷ đồng.

According to the Separate Financial Statements, revenue increased by 49.5%, equivalent to VND 95.8 billion.

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất, doanh thu tăng 46,0%, tương ứng 99,6 tỷ đồng.

According to the Consolidated Financial Statements, revenue increased by 46.0%, equivalent to VND 99.6 billion.

Bên cạnh đó, trong kỳ báo cáo năm nay, Công ty ghi nhận lợi nhuận khác 5,5 tỷ đồng, trong đó 5,4 tỷ đồng là khoản bồi thường của cơ quan nhà nước khi thu hồi đất tại Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

In addition, during the current reporting period, the Company recorded other income of VND 5.5 billion, of which VND 5.4 billion relates to compensation received from a state authority for land acquisition in Bau Bang, Binh Duong Province.

Những yếu tố nêu trên là nguyên nhân chính giúp lợi nhuận sau thuế kỳ này tăng trên 10% so với cùng kỳ năm trước.

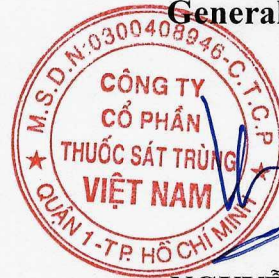
These key factors were the main reasons for a year-on-year increase of more than 10% in profit after tax.

Trân trọng/Best regards. 

Nơi nhận/Recipient:

- Như trên/ As above;
- Lưu: Văn thư, Phòng kế toán
- /Archives: Admin Office, Accountant Dept.

Tổng giám đốc
General Director



NGUYỄN THÂN